

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Văn Trung
 - *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thành Hạnh
 Ông Hoàng Văn Tư

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/8/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2020/TLST-DS ngày 05/5/2020 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-DS ngày 23/7/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Bà Phan Thị Ph**, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp 5, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

* Bị đơn: **Bà Ta Thi T**, sinh năm 1969

Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1981

Cùng trú tại: ấp 2, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Tân H, sinh năm 1958

Địa chỉ: Địa chỉ: ấp 5, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2020 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 04/5/2020, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn Bà Phan Thị Ph trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên trong năm 2018-2019, Bà Tạ Thị T nhiều lần vay tiền của Bà Phan Thị Ph. Vào ngày 13/5/2019, Bà Tạ Thị T và Bà Phan Thị Ph thỏa thuận chốt các khoản nợ đã vay còn lại là 500.000.000 đồng, bà Ph cho bà T 100.000.000 đồng tiền lãi phát sinh, còn lại 400.000.000 đồng Bà Tạ Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Bà Phan Thị Ph. Khi thỏa thuận chốt nợ, các bên có thỏa thuận trả tiền lãi theo lãi suất ngân hàng nhà nước quy định, thời hạn trả nợ vào ngày 31/12/2019.

Đến hạn thanh toán nợ, Bà Tạ Thị T đã thanh toán cho bà Ph 22.000.000 đồng tiền lãi; tiền gốc còn nợ lại 400.000.000 đồng Bà Tạ Thị T không trả cho bà Ph. Nay đã quá thời hạn trả nợ, mặc dù bà Ph đã đòi nhiều lần nhưng bà T cố tình chây ỳ không trả nợ.

Nay Bà Phan Thị Ph yêu cầu Bà Tạ Thị T và Ông Nguyễn Đức H có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc là 400.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính từ ngày 13/5/2019 đối với số tiền gốc 400.000.000 với lãi suất 20%/ 1 năm.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2020 và tại các biên bản hòa giải bị đơn Bà Tạ Thị T trình bày:*

Bà Tạ Thị T thống nhất với lời trình bày cả bà Ph về số tiền đã vay là 500.000.000 đồng là chốt các đợt vay trước đó đến ngày 13/5/2019. Mục đích vay để phục vụ sản xuất kinh doanh hạt điều. Hai bên thống nhất thỏa thuận thời hạn trả là vào cuối năm 2019. Nhưng do buôn bán thua lỗ nên bà T không có điều kiện trả nợ, sau khi trình bày với bà Ph thì bà Ph thống nhất không lấy lãi suất và cho bà T 100.000.000 đồng. Như vậy bà T còn nợ bà Ph 400.000.000 đồng. Đến tết Nguyên Đán năm 2020, bà T đã trả cho bà Ph số tiền 40.000.000 đồng (không lập giấy tờ, không có người chứng kiến) nên hiện nay bà T chỉ còn nợ lại bà Ph 360.000.000 đồng.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà Ph yêu cầu bà T và ông H liên đới trả số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thì bà T đồng ý tự mình trả cho bà Ph số tiền gốc, xin không trả tiền lãi, xin trả dần mỗi năm 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Đồng bị đơn Ông Nguyễn Đức H trình bày:*

Ông Nguyễn Đức H và Bà Tạ Thị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau được 12 năm. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ph đòi buộc ông H và bà T có trách nhiệm liên đới trong việc trả số tiền gốc đã vay là 400.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 13/5/2019 đối với khoản tiền đã vay thì ông H không đồng ý vì cho rằng tại thời điểm bà T vay tiền của bà Ph ông H không được biết do không được tham gia bàn bạc, thỏa thuận ký giấy tờ gì, ngoài ra ông H cũng không nhận tiền,

không sử dụng số tiền mà bà T vay, do đó Ông Nguyễn Đức H không đồng ý liên đới trả nợ.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Tân H trình bày:*

Ông Đinh Tân H và Bà Phan Thị Ph là vợ chồng số tiền mà bà Ph cho bà T vay là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Việc vay mượn tiền giữa bà Ph và bà T thì ông HUỳnh có biết. Nay bà T có ý chây ỳ không chịu trả nợ cho bà Ph thì ông Huỳnh thống nhất với yêu cầu của bà Ph, yêu cầu Tòa án giải quyết đòi buộc Bà Tạ Thị T và Ông Nguyễn Đức H phải liên đới chịu trách nhiệm trả khoản tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày chốt nợ đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tài liệu, chứng cứ được kiểm tra tại phiên tòa, đối chiếu với quy định của pháp luật nêu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phan Thị Ph, buộc bị đơn Tạ Thị Thu liên đới cùng Ông Nguyễn Đức H phải trả số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về nội dung khởi kiện:

Bà Phan Thị Ph khởi kiện yêu cầu Bà Tạ Thị T liên đới cùng chồng là Ông Nguyễn Đức H phải trả số tiền đã vay trong ngày 13/5/2019 là 400.000.000 đồng. Bà Tạ Thị T thừa nhận số tiền đã vay của bà Ph số tiền như trên nhưng đã trả được 40.000.000 đồng tuy nhiên không chứng minh được số tiền đã trả. Như vậy, căn cứ và giấy vay tiền lập ngày 13/5/2019 có chữ ký của bên vay là Bà Tạ Thị T có căn cứ xác định giữa Bà Phan Thị Ph và Bà Tạ Thị T có xác lập hợp đồng vay tài sản với tổng số tiền vay còn nợ lại là 400.000.000 đồng đến nay Bà Tạ Thị T chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Bà Tạ Thị T trình bày do hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thua lỗ nên đề nghị được trả dần cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên, giữa nguyên đơn Bà Phan Thị Ph không đồng ý với phương án trả nợ mà bị đơn đưa ra. Xét thấy, kể từ khi các bên tổng hợp các khoản nợ đã vay và lập giấy chốt nợ, Bà Phan Thị Ph đã nhiều lần yêu cầu Bà Tạ Thị T phải trả nợ nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi cũng như tiền gốc cho bà Ph gây thiệt hại đến

quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ph. Xét phương án trả nợ của bà T là thiếu thiện chí, cố tình kéo dài thời hạn trả nợ nên không được chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phan Thị Phương xác định chỉ cho cá nhân bà T vay tiền, khởi kiện đòi buộc Bà Tạ Thị T liên đới cùng chồng là Ông Nguyễn Đức H trả số nợ 400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch vay tiền giữa bà Ph và bà T thì Ông Nguyễn Đức H không tham gia bàn bạc, thỏa thuận ký giấy tờ vay mượn nhưng ông H biết rõ bà T vay tiền sử dụng vào việc kinh doanh buôn bán phục vụ kinh tế gia đình nhưng bị thua lỗ.

Như vậy, mặc dù tại thời điểm vay tiền, Ông Nguyễn Đức H không tham gia bàn bạc, thỏa thuận vay tiền nhưng sau đó ông H biết khoản nợ này, và xác định bà T sử dụng tiền vay vào mục đích phát triển kinh tế gia đình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định Ông Nguyễn Đức H phải có nghĩa vụ cùng Bà Tạ Thị T trả cho Bà Phan Thị Ph số tiền nợ 400.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là phù hợp.

Tại phiên tòa, Bà Phan Thị Ph, ông Đinh Tân H đồng ý giảm thêm cho Bà Tạ Thị T, Nguyễn Đức Hiếu số tiền 40.000.000 đồng tiền lãi. Đây là sự tự nguyện của ông Huỳnh, bà Ph nên được ghi nhận. Từ những nhận định trên, xét cần áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc Bà Tạ Thị T, Ông Nguyễn Đức H phải liên đới trả nợ số tiền gốc đã vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm cho Bà Phan Thị Ph là phù hợp.

[2] Tiền lãi: Tại phiên tòa, Bà Phan Thị Ph có yêu cầu đòi buộc Bà Tạ Thị T, Ông Nguyễn Đức H phải trả tiền lãi đối với khoản tiền đã vay theo mức lãi suất 12%/1 năm tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy khi vay tiền, các bên đương sự có thỏa thuận trả lãi của số tiền đã vay nhưng không ghi rõ mức lãi suất. Yêu cầu tính tiền lãi đối với khoản tiền gốc đã vay với mức lãi suất như trên là có cơ sở nên được chấp nhận.

Số tiền lãi được tính như sau: 400.000.000 đồng x 12%/ năm x 01 năm 03 tháng 16 ngày = 61.920.000 đồng.

Số tiền gốc và tiền lãi Bà Tạ Thị T Ông Nguyễn Đức H phải liên đới trả cho Bà Phan Thị Ph là 461.920.000 đồng (tương ứng mỗi người phải trả 230.960.000 đồng).

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Bà Phan Thị Ph được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên Bà Tạ Thị T, Ông Nguyễn Đức H phải liên đới nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 24, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 166, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phan Thị Ph.

Buộc Bà Tạ Thị T, Ông Nguyễn Đức H phải liên đới trả cho Bà Phan Thị Ph số tiền gốc đã vay trong các năm 2018-2019 là 400.000.000 đồng và 61.920.000 đồng tiền lãi phát sinh, được khấu trừ số tiền 40.000.000 đồng đã được giảm, số tiền còn lại Bà Tạ Thị T, Ông Nguyễn Đức H phải liên đới trả cho Bà Phan Thị Ph là 421.920.000 đồng (tương ứng mỗi người phải trả 210.960.000 đồng)

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Bà Phan Thị Ph, Ông Nguyễn Đức H mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.438.400 đồng.

Hoàn lại cho Bà Phan Thị Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0004029 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Phan Thị Ph, Bà Tạ Thị T, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. ông Đinh Tấn Huỳnh, Ông Nguyễn Đức H có quyền kháng cáo

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKSND huyện Đồng Phú;*
- *THADS huyện Đồng Phú;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trung